

THÔNG BÁO
CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2023-2024

- Căn cứ Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/07/2023 của Hội Đồng Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023-2024;
- Căn cứ Công văn số 4687/SGDĐT-KHTC ngày 25/8/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Công văn số 1650/GDĐT-TCKH ngày 27/9/2023 của Liên Phòng GD và ĐT - Phòng Tài Chính - Kế Hoạch về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn quận Tân Bình;
- Căn cứ biên bản thống nhất với Ban đại diện CMHS Trường (sau khi lấy ý kiến của từng CMHS) về học phí và các khoản thu năm học 2023-2024,

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VÕ VĂN TÂN THÔNG BÁO CÁC KHOẢN THU NH 2023-2024

Đơn vị tính : đồng

STT	CÁC KHOẢN THU	ĐVT	MỨC THU		
			THEO QUI ĐỊNH	DỰ KIẾN THU	
1	Học phí chính khóa	Tháng	60,000	60,000	Tạm thu Học kỳ 1
I	Các khoản thu phụ vụ hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa				
2	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ	Tháng	138,000	138,000	
3	Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	Tháng	80,000	80,000	Thu từ tháng 10
4	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	Tháng	260,000	230,000	Thu từ tháng 10
II	Các khoản thu phụ vụ hoạt động giáo dục thực hiện theo các Đề án				
5	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"	Tháng	150,000	150,000	Thu từ tháng 10
III	Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú				
6	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	Tháng	160,000	160,000	
7	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú (học sinh/năm học)	Năm	200,000	115,000	
IV	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh				
8	Tiền mua sắm đồng phục học sinh	Học sinh/bộ	400,000	400,000	Áp dụng cho năm học 2024-2025, gồm 01 bộ đồ đồng phục và 01 bộ đồ thể dục (Không áp dụng cho khối 9)
9	Học phẩm	Năm	50,000	50,000	Ăn chỉ, ăn phẩm và đề thi, giấy thi
10	Tiền suất ăn trưa bán trú	Ngày	35,000	35,000	
11	Tiền nước uống	Tháng	17,000	10,000	
12	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu (Bao gồm khám nha học đường)	Năm	50,000	25,000	
13	Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Tháng	110,000	50,000	Gồm số liên lạc điện tử, phần mềm quản lý thẻ học sinh điện tử và phần mềm học trực tuyến LMS). Riêng khối 9 là 33.000 đồng/HS/tháng
14	Tiền BHYT học sinh năm 2024	Năm	680,400	680,400	12 tháng
15	Tiền tổ chức xe đưa rước học sinh (Tuyến đường từ 5 km trở lên)	Tháng	8,000	8,000	Đồng/học sinh /km

Nơi nhận:

- Hội đồng trường;
- CMHS;
- Lưu VT, KT.

Ghi chú:

- CMHS có thể đóng theo tháng/Học kỳ/Năm học.
- Chuyển khoản vào kênh thu hộ của SSC. Qua các ngân hàng : Agribank, Sacombank, Vietinbank (bảng cách tài áp của ngân hàng về điện thoại)
- Nhập mã học sinh và thực hiện thanh toán.
 - Đơn vị hướng : Trường THCS Võ Văn Tân
 - Nội dung (ghi) : Nguyễn Văn A - Lớp 6/... - Đóng(tháng/học kỳ/năm học)

